

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thị trấn Trần Văn Thời				
6	Đường 19 tháng 5 (2 Bên)	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp ranh BVĐK Trần Văn Thời	1,10
7	Đường 19 tháng 5 (2 Bên)	Từ BVĐK Trần Văn Thời (2 bên)	Cổng Ngăn mặn cũ (Nhà ông Nguyễn Hoàng Việt (Phía Đông))	1,00
8	Đường 19 tháng 5 (bờ Đông)	Cổng Ngăn mặn cũ (Giáp nhà ông Nguyễn Hoàng Việt (Phía Đông))	Cầu Tám Ánh (Phía Nam)	1,00
9	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (bờ Bắc)	Cổng Rạch Ráng (Phía Tây)	Hết ranh Đầm Tập Kết Rác Khóm 9	1,00
10	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (bờ Bắc)	Cổng Rạch Ráng (Phía Đông)	Giao với đường số 10	1,00
11	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (bờ Bắc)	Giao với đường số 10	Đầu tuyến (Giáp ranh đất ông Võ Minh Hòa)	1,00
12	Đường Trần Văn Đại (2 Bên)	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 30 tháng 4 (Phía Nam) (2 bên)	1,00
14	Đường Trần Văn Đại (Bờ Tây)	Cổng Tư Sự (Phía Bắc)	Cầu Trảng Cò (Phía Đông)	1,00
15	Đường Trần Văn Đại (Bờ Tây)	Cầu Trảng Cò (Phía Tây)	Giáp ranh xã Trần Hợi	1,00
16	Ngô Thị Hườn (Tên cũ: Đường số 2 Khóm 1 (2 bên))	Đường 19 tháng 5 (Tên cũ: Giao với đường 19 tháng 5)	Đường Nguyễn Trung Thành (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Trung Thành)	1,00
17	Võ Hoành (Tên cũ: Đường số 3 Khóm 1 (2 bên))	Đường 19 tháng 5 (Tên cũ: Giao với đường 19 tháng 5)	Đường Nguyễn Trung Thành (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Trung Thành)	1,00
18	Lý Tự Trọng (Tên cũ: Đường số 3A Khóm 1 (2 bên))	Đường số 8 (Tên cũ: Giao với đường số 8)	Đường số 5 (Tên cũ: Giao với đường số 12 (phía Đông))	1,20
19	Đường số 4A Khóm 1 (2 bên)	Giao với đường 6A	Đường Nguyễn Trung Thành	1,00

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20	Đường số 4A Khóm 1 (2 bên)	Đường Nguyễn Trung Thành	Đường số 9	1,00
21	Đường số 4A Khóm 1 (1 bên) phía Bắc	Đường số 9	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	1,00
22	Đường số 5 (2 bên) Khóm 1	Giao với đường 2	Giao với đường số 3	1,00
23	Đường Nguyễn Trung Thành (2 bên)	Giao với đường 30 tháng 4 (Phía Nam)	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	1,11
24	Nguyễn Long Phi (Tên cũ: Đường số 6A (2 bên))	Ngô Thị Hườn (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Trung Thành)	Đường số 6A (Tên cũ: Giáp với hàng rào huyện uỷ)	1,00
25	Đường số 7A (2 bên) (Đường nội bộ Khu Phố Chợ	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 4A (Phía Nam)	1,00
26	Đường số 8 (2 bên) Khóm 1	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 4A (Phía Nam)	1,00
27	Đoàn Văn Xã (Tên cũ: Đường số 9 (2 bên) Khóm 1)	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh)	Đường số 4A (Tên cũ: Giao với đường 4A (phía Nam))	1,00
28	Đường số 10 (2 bên) Khóm 1	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường số 3A	1,00
29	Lộ Giao Thông 2,5m Bờ Nam đường 30 tháng 4	Ranh đất ông Dương Văn Tài	Đến ranh đất ông Bào Hoàng Thắng	1,00
31	Lộ Giao thông 2,5m cặp sông Ông Đốc và Vàm Ông Bích Nhỏ	Từ nhà ông Võ Minh Hòa	Hết ranh đất ông Dương Văn Tài (Ngay mố cầu bê tông bắc qua kênh đê)	1,00
32	Đường Nguyễn Thị Nho (2 bên) Khóm 9	Giao với đường Trần Văn Đại	Giao với đường Huỳnh Phi Hùng	1,00
33	Đường Dương Văn Thà (2 bên) Khóm 9	Giao với đường Trần Văn Đại	Giao với đường Huỳnh Phi Hùng	1,00
34	Đường số 2 Khóm 9	Giao với đường Trần Văn Đại	Cổng Rạch Ráng (Phía Tây) (Cặp kênh Rạch Ráng), đường 1 chiều	1,00

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
35	Đường Phạm Chí Hiền Khóm 9	Giao với đường Nguyễn Thị Nho	Giao với đường Huỳnh Phi Hùng	1,00
37	Trần Hợi (Tên cũ: Đường số 6 Khóm 9)	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Thị Nho)	Đường Nguyễn Thị Nho (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh)	1,00
38	Đường Danh Thị Tươi Khóm 9	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 30 tháng 4	1,00
39	Võ Thị Hồng (Tên cũ: Đường số 14, khóm 9)	Đường Trần Văn Đại (Tên cũ: Giao với đường Trần Văn Đại)	Danh Thị Tươi (Tên cũ: Giao với đường Huỳnh Phi Hùng)	1,00
40	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Các tuyến đường khu dân cư (Chưa có cơ sở hạ tầng) thuộc khóm 1, khóm 7, khóm 9		1,00
41	Đường giao thông 3m, khóm 8	Từ giao với đường 30/4	đến cầu kênh thủy lợi (phía Nam)	1,00
42	Đường giao thông 3m, khóm 8	Cầu kênh thủy lợi (phía Bắc)	đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Bé	1,00
43	Đường giao thông 3m, Khóm 7	Cầu Tám Ánh (phía Bắc)	đến hết ranh đất nhà ông Trần Hoàng	1,00
44	Đường giao thông 3m, Khóm 7	Cầu kênh Cũ (cầu EC)	đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Nam khóm 3 (phía Tây kênh Chủ Kịch)	1,00
45	Đường giao thông 3m khóm 3,4	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nam khóm 3 (phía Tây kênh chủ Kịch, kênh chùa)	Giáp ranh xã Trần Hợi	1,00
46	Lộ bê tông 3m, Khóm 5,7 (bờ Đông kênh Trảng Cò)	Giao đường 30/4 (phía Bắc)	đến hết ranh đất bà Trần Thị Bé	1,00
47	Lộ bê tông 3m, Khóm 5,7 (bờ Đông kênh Trảng Cò)	Giáp ranh đất bà Trần Thị Bé	đến Giao với đường Trần Văn Đại	1,00
48	Lộ bê tông 3m khóm 6 (tuyến bờ Tây kênh Trảng Cò)	Từ cầu bê tông Kí Niêm (phía Tây)	đến giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khoái	1,00
49	Lộ bê tông 3m khóm 6 (tuyến bờ Tây kênh Trảng Cò)	Từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khoái	Đến giáp ranh xã Khánh Lộc	1,00

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,0 -1,5m			1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
2. Thị trấn Sông Đốc				
51	Bờ Bắc Sông Đốc	Trạm kiểm soát Biên Phòng 692 khóm 1	Hết ranh đất Xí nghiệp sửa chữa tàu khóm 1	1,00
52	Bờ Bắc Sông Đốc	Đất Khu xăng dầu Năm Châu khóm 1	Hết ranh đất bà Phạm Thị Nhân khóm 1	1,00
53	Bờ Bắc Sông Đốc	Đất Hăng nước đá Đồn biên phòng 692 khóm 1	Hết ranh đất Trường Tiểu học 4	1,00
54	Bờ Bắc Sông Đốc	Đất Chi nhánh Bảo hiểm khóm 1	Hết ranh đất Chùa Bà K1	1,00
55	Bờ Bắc Sông Đốc	Ranh đất bà Trần Thị Thủy khóm 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang Tiệp khóm 1	1,00
56	Bờ Bắc Sông Đốc	Ranh đất bà Tạ Thị Liễu khóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Thanh Quang khóm 2	1,00
57	Bờ Bắc Sông Đốc	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hồng khóm 2	Đầu Voi Rạch Bàng Ky	1,00
58	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Tiệm Cầm Đồ Hương Lan	Nhà bà Võ Thị Xuyên	1,00
59	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Hèm chùa Bà Thiên Hậu khóm 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Anh Tài	1,20
60	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Ao cá Hội nông dân khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Trước khóm 1	1,10
61	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Hèm nhà bà Lê Thanh Xuân khóm 1	Hèm nhà ông Trần Văn Thơ khóm 1	1,10



4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
62	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Đỗ Thị Lan khóm 2	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm khóm 2	1,00
63	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Lê Minh Nguyệt khóm 2	Hết ranh dây Kiốt ông Huỳnh Thanh Bình khóm 2	1,00
64	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Cao Thanh Xuyên khóm 2	Hẻm nhà ông Tống Hoàng Ân khóm 2	1,00
65	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Nguyễn Minh Hoàng khóm 2	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hùng khóm 2	1,00
66	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Bình khóm 2	Hẻm nhà ông Võ Văn Việt khóm 2	1,00
67	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Đỗ Văn Vĩnh khóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Việt Hùng khóm 2	1,10
68	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Từ Hữu Dũng khóm 2	Hết ranh đất ông Huỳnh Thành khóm 2	1,00
69	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Nguyễn Hữu Trí khóm 2	Hẻm nhà ông Trần Minh Quân khóm 2	1,00
70	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Trần Văn Khôi khóm 2	Hẻm nhà ông Huỳnh Ngọc Bình khóm 2	1,00
71	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tình khóm 2	Hẻm nhà bà Dương Thị Xa khóm 2	1,00
72	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hiền khóm 2	Hết ranh đất bà Lê Thị Thơ khóm 2	1,00
73	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Lê Văn Thắng khóm 2	hết ranh đất Nguyễn Hồng Thẩm	1,00
74	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Phạm Thanh Hùng khóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Lượm khóm 2	1,00
75	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà bà Lê Thị Phi khóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thống khóm 2	1,00
76	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Cầu bê tông kênh Kiềm Lâm khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Thanh Tùng khóm 3	1,00
77	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Cống rạch Băng Ky khóm 3	Ranh đất trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	1,00
78	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Trần Văn Nhị khóm 3	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Huỳnh Tuyền	1,20

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân khóm 3	Hết ranh đất ông Dương Văn Thế khóm 3	1,00
80	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Phạm Văn Thùy khóm 3 (2 bên)	Hết ranh đất ông Lê Văn Khánh khóm 3	1,00
81	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	Hết ranh đất bà Võ Thị Hà khóm 7	1,00
82	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Lê Việt Hùng khóm 7 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phạm Hoàng Dũng khóm 7	1,00
83	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu khóm 7	1,00
84	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Phạm Thanh Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Quốc Việt khóm 7	1,00
85	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Đặng Văn Đang khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng khóm 7	1,00
86	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy, Khóm 7	Hết ranh Hải Đội 2 khóm 7	1,00
87	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Cao Văn Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Phạm Minh Quang khóm 7	1,00
88	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Phan Minh Đương	Hết ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	1,00
89	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hàng rào bên trong Xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Phạm Thanh Diệu (khóm 7)	1,00
90	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà bà Trần Hồng Lạc khóm 8	Hết ranh đất bà Trần Thị Lan khóm 8	1,20
91	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Trần Văn Thương, khóm 8	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân khóm 8	1,20
92	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bồ khóm 8	Hết ranh đất ông Lâm Chí Lâm khóm 8	1,20
93	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng khóm 8 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phùng Thanh Vân khóm 8	1,20
94	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến khóm 8	Hết ranh đất ông Hiên Khóm 8	1,20



4. HUYỆN TRẦN VĂN THỚI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
95	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh ông Trần Ngọc Lan, Khóm 8.	Về hướng Bắc: 250m	1,20
96	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh xáng Nông Trường bờ Nam (Ranh đất ông Phạm Văn Nam)	Hết ranh đất Bà Phạm Thị Lê	1,60
97	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thành (khóm 8)	1,00
98	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Việt	Về hướng Bắc: 250 m	1,20
99	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hết ranh đất ông Trần Văn Tinh	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,00
100	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hèm nhà bà Lã Mai Thùy khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,00
101	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hèm nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,00
102	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hèm nhà ông Phạm Việt Cường	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,00
103	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hèm nhà ông Đặng Văn Vinh khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,00
104	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh Cầu Dừa khóm 8	Về hướng Bắc 250m	1,00
105	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Kiều Minh Thành khóm 10	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,00
106	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Trần Văn Khấp khóm 10	Hết đất ông Phạm Văn Uyên khóm 10	1,00
108	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hèm nhà Ông Trần Văn Việt, khóm 10 (2 bên)	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,00
109	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Vũ Thị Huyền, khóm 10	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,00
110	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh xã Thuần khóm 10	Về hướng Bắc: 250m	1,00
111	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh Nhiều Đáo khóm 11	Về hướng Bắc: 250m	1,20

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
112	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh Phú Lý khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1,00
113	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Kênh Cựa Gà khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1,00
117	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Kênh Phú Lý khóm 12	Kênh ranh xã Khánh Hải	1,00
127	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Tây) khóm 4	Đê Tả khóm 4	1,00
129	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Xáng cùng khóm 6A (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả khóm 6A	1,00
130	Bờ Nam Sông ông Đốc	Kênh xáng Mới, ranh đất bà Lý Kim Tiền (Bờ Đông)	Đê Tả khóm 6A	1,00
131	Bờ Nam Sông ông Đốc	Kênh Xáng Mới, ranh đất ông Trần Văn Lên (Bờ Tây)	Đê Tả khóm 6A	1,00
132	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Xẻo Quao khóm 6A (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả khóm 6A	1,00
133	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Lê Thị Tươi khóm 6A	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Phước	1,00
134	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Trần Ánh Nguyệt khóm 6A	Hết ranh đất bà Phạm Thị Thùy khóm 6A	1,00
135	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Lê Thị Nhanh (Thửa 65, tờ 36) khóm 6A	Hết ranh đất ông Hà Việt Hoa	1,00
136	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Trịnh Thị Trang khóm 6A	Hết ranh đất ông Lại Văn Giàu (2 bên) khóm 6A	1,00
137	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Hùng, Khóm 6A	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân (2 bên) khóm 6A	1,00
138	Bờ Nam Sông ông Đốc	Hẻm nhà ông Châu Ngọc Sỹ khóm 6A	Hết ranh đất ông Hải	1,20

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
139	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Dương Hồng Nguyên	Cầu Thủy Lợi	1,00
140	Bờ Nam Sông ông Đốc	Nhà ông Huỳnh Thanh Hùng	Nhà ông Võ Khánh Duy	1,00
141	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Dũng khóm 6A	Hết ranh đất ông Hồ Văn Vàng khóm 6A	1,00
142	Bờ Nam Sông ông Đốc	Khu dân cư Xẻo Quao khóm 6B (Khu A)		1,00
143	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Lê Chí Nguyên - khóm 7	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lắm	1,00
144	Các tuyến lộ Bê tông trong thị trấn từ 1m - 1,5m			1,20
145	Hèm	Ranh đất ông Huỳnh Ngọc Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Sinh	1,00
147	Hèm	Ranh đất nhà bà Lê Chúc Mừng, khóm 7	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Lang, khóm 7	1,00
148	Hèm	Ranh đất nhà bà Lê Thị Kiều, khóm 7	Hết ranh đất nhà ông Lê Văn Chờ, khóm 7	1,00
149	Hèm	Ranh đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chơn, khóm 8	Hết ranh đất Nguyễn Thị Hoa, khóm 8	1,00
150	Hèm	Nhà bà Phạm Thị Cúc	Nhà ông Phạm Văn Chiến	1,00
151	Hèm	Nhà ông Phan Văn Hội	Hết ranh đất Hoàng Thị Rộng, khóm 8	1,00
152	Hèm	Ranh đất nhà Phạm Văn Thái, khóm 8	Hết ranh đất Phan Văn Toại	1,00
153	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc Khóm 6B	Ranh đất ông Dương Văn Rớt	Ranh đất Đỗ Thành Phước	1,00
154	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc Khóm 6A	Ranh đất ông Trần Văn Sinh	Ranh đất ông Bạch Trung Đáng	1,00
155	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn có dải phân cách)	Kênh 7 Thanh	Cổng Thầy Tư	1,00

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
156	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn không có dải phân cách)	Cổng Thầy Tư	Đê Biển Tây	1,00
157	Hèm khóm 7	Nhà ông Lê Văn Thạnh	Nhà ông Lê Văn Tỷ	1,00
158	Hèm khóm 7	Nhà ông Nguyễn Văn Tất	Trường THCS 1	1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
A. Sửa đổi				
Thị trấn Sông Đốc				
107	Bờ đông dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Đất ông Trần Ngọc Minh, khóm 10 (hai bên bờ kênh xáng nông Trường)	Giáp kênh Phú Lý (khóm 12)	1,00
114	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 bên)	Cầu sắt kênh Rạch Ruộng khóm 10	Cổng Xã Thuận	1,00
115	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 bên)	Cổng xã Thuận	Kênh Nhiều Đáo	1,00
116	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng- Sông Đốc (2 bên)	Kênh Nhiều Đáo	Kênh Phú Lý	1,00
118	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Bảy Thanh khóm 5	Hãng nước đá Hiệp Thành k5	1,00
119	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Đất ông Lê Hùng Anh	Đất bà Tạ Mỹ Hen	1,00
120	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Hãng nước đá Hiệp Thành k5	Kênh Rạch Vinh khóm 5	1,00
121	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Công Ty KTDV Sông Đốc K4 (mặt sông)	Đầu vàm kênh Thầy Tư Khóm 4	1,00
122	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Xáng cùng Khóm 6A	Kênh Xáng Mới	1,00
123	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Rạch Vinh khóm 4 (Tuyến lộ)	Cầu kênh Thầy Tư khóm 4	1,00
124	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư khóm 4 (tuyến lộ)	Kênh Xáng cùng Khóm 4	1,00



4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
125	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Rạch Vinh bờ Đông (Ranh đất ông Đặng Văn Đông)	Đê Tả khóm 5	1,00
126	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Miêu (Bờ tây Kênh Rạch Vinh)	Đê Tả khóm 4	1,00
128	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Đông) Khóm 4	Đê Tả khóm 4	1,00
146	Tuyến đường cầu Rạch Ruộng nhỏ	Trụ sở UBND thị trấn (khóm 7)	Lộ nhựa Rạch Ráng - Sông Đốc, khóm 10 (Tiếp giáp lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc)	1,00
Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Cổng Ông Bích Nhỏ (phía Đông) trong đê	1,00
2	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Cổng Ông Bích Nhỏ (phía Tây)	Cầu Rạch Ráng (Phía Đông)	1,00
3	Đường 30 tháng 4 (2 bên)	Cầu Rạch Ráng (Phía Tây)	Đến hết đoạn cuối tuyến thuộc Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (tên cũ: Giao với đường 11, khóm 9)	1,00
4	Đường 30 tháng 4 (2 bên)	Đến hết đoạn cuối tuyến thuộc Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (tên cũ: Giao với đường 11, khóm 9)	Cầu Trảng Cò (Phía Đông)	1,00
5	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Cầu Trảng Cò (Phía Tây trong đê)	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,00
13	Đường Trần Văn Đại (2 bên)	Giao đường 30 tháng 4 (Phía Bắc) (2 bên)	Đến Cổng Tư Sự (Phía Nam)	1,00
30	Lộ Giao Thông 2,5m Bờ Nam đường 30 tháng 4	Đến ranh đất ông Bào Hoàng Thắng	Giao với đường Nguyễn Trung Thành	1,00
36	Đường Huỳnh Phi Hùng khóm 9	Giao đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 30/4	1,00
B. Bổ sung				
Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Đường số 11 (hai bên)	Giao đường 3A	Giao đường 30/4	1,00
2	Đường giao thông 3m, khóm 8 (Phía Tây)	Đất ông Trần Văn Bé	Hết ranh đất Mã Văn Hết	1,00

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Đường giao thông 3m, khóm 8 (Phía Tây)	Mã Văn Hết	Hết đất ông Nguyễn Việt Hùng	1,00
4	Đường giao thông 3m, khóm 8 (Phía Bắc)	Ranh đất ông Trần Văn Kỳ	Hết ranh đất ông Trần Văn Quảng	1,00
5	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Cổng ông Bích Nhỏ	1,00
6	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Cầu Trắng Cò	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,00
7	Tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc	Tuyến đường đầu nối từ tuyến Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc đến chợ nông sản Rạch Ráng (2 bên)		1,00
8	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5m - 3m			1,00
9	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ trên 3m - 5m			1,00
Thị trấn Sông Đốc				
10	Tuyến bờ nam Sông ông Đốc	Đất ông Nguyễn Tuấn (theo kênh Đê Tà)	Hết phần đất ông Trần Văn Ngọc (giáp Đê trung ương, khóm 6B)	1,00
11	Tuyến bờ nam Sông ông Đốc	Dọc theo hai bên tuyến đường Cầu sông Ông Đốc đầu nối lộ Bờ nam Sông Đốc		1,00
12	Tuyến đường số 1 Khu tái định cư khóm 6B, Sông Đốc (tuyến đường bờ Nam, 2 bên)	Ranh đất ông Ngô Minh Dương, khóm 6A, thị trấn Sông Đốc	Đê biển Tây, khóm 6B, thị trấn Sông Đốc	1,00
13	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5m -3m			1,00
14	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ trên 3m -5m dọc theo các kênh			1,00

5. HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường 19-5	Nghĩa trang (Mé sông Lộ Xe cũ)	Giáp ranh Bệnh viện	1,10
2	Đường 19-5	Giáp ranh Bệnh viện	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự huyện	1,10
3	Đường 19-5	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Hết ranh Trung Tâm Dạy Nghề (cũ)	1,10
4	Đường 19-5	Hết ranh Trung Tâm Dạy Nghề (cũ)	Đầu lộ Phú Mỹ	1,20
6	Đường Hồ Thị Kỷ	Cầu Tài chính	Đoi Văn hóa (Bia tường niệm)	1,10
7	Khu Kiôt	Khu Kiôt (Dãy nhà ông Hội)	Hết khu Kiôt	1,10
8	Đường 30 - 4	Lộ Tân Duyệt	Hẻm số 2	1,10
9	Đường 30 - 4	Hẻm số 2	Cầu Văn hóa	1,10
10	Đường 30 - 4	Cầu Văn Hóa	Cầu Cây Hương	1,10
11	Đường 3 - 2	Đường 1-5	Đường 2-9	1,10
12	Đường 3 - 2	Đường 2-9	Đường 30-4	1,10
13	Đường 2 - 9	Lộ Tân Duyệt	Nhà ông Út Anh	1,20
14	Đường 2 - 9	Nhà ông Chiến	Đường 30-4	1,00
15	Đường 2-9 (nối dài)	Nhà ông Chiến	Cầu Cây Hương	1,10
16	Đường 1 - 5	Lộ Tân Duyệt	Đường 3-2	1,10
17	Đường 1 - 5	Đường 3-2	Đường 2-9	1,10
18	Đường 1 - 5	Đường 2-9	Đường 30-4	1,10
19	Đường Phan Ngọc Hiển	Hết đất ông 10 Ôn	Lộ Tân Duyệt	1,10
20	Đường Phan Ngọc Hiển	Lộ Tân Duyệt	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị	1,00
21	Đường Phan Ngọc Hiển	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị	Hết ranh đất ông Phan Văn chiến	1,10

5. HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Hẻm số 1	Đường 30-4	Đường 2-9	1,00
23	Hẻm số 1	Đường 2-9	Đường 1-5	1,00
24	Hẻm số 2	Đường 30-4	Đường 2-9	1,00
25	Hẻm số 3	Đường 1-5	Cuối Hẻm số 3	1,00
26	Hẻm số 3	Cuối hẻm số 3	Cầu Cây Hương	1,00
27	Hẻm số 3	Cuối Hẻm số 3	Đường 2-9	1,00
28	Lộ Tân Duyệt	Quốc lộ 1A	Đường 19-5	1,10
29	Lộ Tân Duyệt	Phan Ngọc Hiền	Đường 1/5	1,10
30	Lộ Tân Duyệt	Đường 1-5	Cổng Cây Hương	1,00
31	Lộ Tân Duyệt	Cổng Cây Hương	Đường Vành Đai	1,00
32	Lộ Tân Duyệt	Đường Vành Đai	Giáp ranh xã Đông Thới	1,00
33	Lộ Tân Duyệt	Lộ Tân Duyệt	Đường 3-2	1,20
34	Đối diện lộ Tân Duyệt	Đối diện Cổng Cây Hương	Đối diện Đường Vành Đai đối diện	1,00
35	Đối diện lộ Tân Duyệt	Đối diện Đường Vành Đai	Đối diện Đập Ông Phụng	1,00
36	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc lộ 1A	Đầu kinh Láng Tượng	1,00
37	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc Lộ 1A	Đường 19/5	1,20
38	Đường Vành Đai	Cầu Tài chính	Cầu Vành Đai	1,10
39	Đường Vành Đai	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	1,00
40	Đối diện đường Vành Đai	Cầu Tài chính	Cầu Lộ Hãn	1,20
41	Đối diện đường Vành Đai	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	1,00

5. HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42	Hai bên bờ sông Cái Nước	Hai bên bờ sông từ Đền thờ Bác	Đầu kênh Sư Thông	1,10
43	Hai bên bờ sông Cái Nước	Đầu kênh Sư Thông	Đầu kênh Láng Tượng	1,20
44	Khu dân cư Cây Hương	Khu dân cư Cây Hương giai đoạn 1	Hết khu dân cư Cây Hương	1,10
45	Khu dân cư Lương Thực (Đường số 1, đường số 4)			1,00
46	Khu dân cư Lương Thực (Đường số 2, đường số 3)			1,00
47	Đường Võ Thị Sáu	Tượng đài Khu văn hóa (Bia Tưởng niệm)	Hết ranh Trường THPT Cái Nước	1,00
48	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh Trường THPT Cái Nước	Giáp ranh ấp Đồng Tâm	1,00
49	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh ấp Đồng Tâm	Cầu Vành Đai	1,10
50	Lộ Cái Nước -Phú Tân	Quốc lộ 1A	Đầu kênh Sư Thông	1,20
51	Lộ Cái Nước -Phú Tân	Đầu kênh Sư Thông	Đập Cây Dương	1,20
55	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Đầu lộ Phú Mỹ + 200m	Nhà nghỉ Tuấn Anh	1,00
56	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Nhà nghỉ Tuấn Anh	Giáp ranh xã Trần Thới	1,10
57	Đường Khu tập thể bệnh viện			1,10
58	Khu dân cư Tân Duyệt			1,10
59	Lộ bê tông	Lộ Tân Duyệt	Giáp ranh khu dân cư Cây Hương	1,00
60	Lộ bê tông	Lộ Tân Duyệt	Hết ranh khóm 1	1,00
61	Lộ bê tông	Hết ranh khóm 1	Cầu 5 Bương	1,10
62	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), thị trấn Cái Nước	Đường 2 tháng 9	Hẻm số 2	1,00
63	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m			1,10

5. HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Các tuyến đường bê tông rộng 2,5m			1,00
65	Các tuyến đường bê tông rộng 3m trở lên			1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00
Tuyến đường được bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
1	Hẻm số 2 nối dài	Đường 2 tháng 9	Hẻm số 3	1,20
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
A. Sửa đổi				
Thị trấn Cái Nước				
5	Đổi diện đường 19 tháng 5	Đổi diện hết ranh Nghĩa Trang	Cầu Tài Chính	1,00
52	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh Nghĩa Trang	Ranh nhà hàng Cẩm Tiên	1,00
53	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh nhà hàng Cẩm Tiên	Hết ranh cây xăng Kim Minh	1,00
54	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Hết ranh cây xăng Kim Minh	Đầu lộ Phú Mỹ +200m	1,00
B. Bổ sung				
Thị trấn Cái Nước				
1	Lộ bê tông rộng 3m kênh Giá	Quốc lộ 1A	Lộ Cái Nước - Phú Tân	1,00
2	Lộ bê tông rộng 3m kênh xáng Lộ Xe	Hết ranh đất ông Phan Văn Chiến	Đầu kênh Trùm Gộc	1,00
3	Lộ bê tông rộng 3m kênh Sư Thông	Đầu kênh Sư Thông	Cuối kênh Sư Thông	1,00

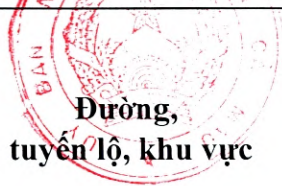
**Đường,
tuyển lộ, khu vực**

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thị trấn Cái Đôi Vàm				
8	Nguyễn Việt Khái	Giáp đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	Cầu Cơi 5	1,00
11	Hẻm Nhà Lồng Chợ	Ranh đất ông Phạm Văn Hải	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Khá	1,10
12	Hẻm	Hẻm trường Tiểu học Cái Đôi Vàm I (Ranh đất ông Thành)	Giáp tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1,10
13	Hẻm	Ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Xê	1,10
14	Tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	Cách đầu cầu Kiểm lâm cũ phía Tây: 30m	Cách đầu cầu Kiểm lâm mới: 30m	1,20
15	Lý Văn Lâm	Cách Mạng Tháng Tám	Đường 13/12	1,50
16	Lý Văn Lâm	Đường 13/12	Bờ Tây Kênh Kiểm Lâm	1,30
17	Hẻm Khu chữ U	Cách Đường Nguyễn Việt Khái 30m	Cầu Cơi 5	1,50
18	Hẻm vào trường Lê Hồng Phong	Trụ sở Văn hóa khóm 4 (2 bên)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1,10
19	Cầu Làng Cá - Đồn Biên phòng Cái Đôi vàm	Kênh Làng Cá	Đồn Biên phòng Cái Đôi Vàm (Phía sau)	1,00
20	Khu tiểu thủ công nghiệp			1,00
22	Đầu kênh Bảy Sứ - Cây ăng teng (Đê Tây)	Đầu kênh Bảy Sứ	Cây ăng teng (Đê Tây)	1,10
23	Cây ăng teng (Đê Tây) - Đầu kênh Lô 2	Cây ăng teng (Đê Tây)	Cầu dự án lô 2	1,00
24	Hẻm	Lộ hẻm Khóm 5	Cầu Dự án	1,20
26	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	1,10
27	Kênh Lô 1	Cách Đường Trần Văn Thời 30m	Cầu JAPA	1,20
28	Kênh lô 2	Kênh Tập đoàn 34	Cầu dự án lô 2	1,20

6. HUYỆN PHÚ TÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
29	Kênh lô 2	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	1,00
36	Đường Võ Thị Sáu	Đầu cầu Kiêm lâm cũ (Phía Đông)	Đầu cầu Kiêm Lâm mới (Phía Đông)	1,20
37	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Cầu Kiêm Lâm cũ	Kênh Năm Nhung	1,20
38	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Kênh Năm Nhung	Đầu Kênh 90	1,20
39	Đường Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Giáp sông Cái Đôi Vàm	Phan Ngọc Hiền	1,30
40	Tuyến kênh Kiêm lâm (Phía Tây)	Cách đường Phan Ngọc Hiền 30m	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,10
41	Khu dân cư khóm 2	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	Trụ sở khóm II	1,30
42	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Dự án (Phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,20
43	Khu dân cư khóm 2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Kênh Làng Cá	1,30
44	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiền (nối dài)	Đường Hồ Thị Kỷ (nối dài)	1,20
45	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiền (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1,30
46	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Dự án (Phía Tây)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,30
47	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Làng Cá	Cầu Dự án	1,30
48	Khu dân cư Khóm 3	Cầu Dự án (phía tây)	Kênh Cơi 5	1,20
49	Đường 1/5	Đầu đường Phan Ngọc Hiền	Hết đất ông Nguyễn Minh Sỹ	1,10
50	Đường 13/12	Đầu đường Nguyễn Việt Khái	Đầu đường Phan Ngọc Hiền	1,30
51	Hồ Thị Kỷ	Đầu đường 13/12	Đường Lương Thế Vinh	1,10
52	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đầu đường Phan Ngọc Hiền	Đường Hồ Thị Kỷ (nối dài)	1,10

6. HUYỆN PHÚ TÂN

STT	 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30
Các tuyến đường được bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
1	Đường bê tông	Cách đường Lý Văn Lâm 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiên 30m (Khóm 1)	1,10
2	Kênh Lô 2 (Chợ cũ)	Cách đường Trần Văn Thời 30m	Kênh Tập Đoàn 34 (Khóm 7)	1,10
3	Đường Phan Ngọc Hiên nối dài	Cầu coi 5	Nhà bà Trần Thị E (Khóm 4)	1,20
4	Đường bê tông	Đầu Cầu Coi 5 (Huỳnh Thị Tươi)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (Khóm 3)	1,10
5	Đường bê tông	Cách đường Phan Ngọc Hiên 30m (bờ Tây)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (ấp Cái Đôi Vàm)	1,10
6	Đường bê tông	Cách đường Phan Ngọc Hiên 30m (đường bờ Tây Kênh 90)	Rạch Cái Đôi Nhỏ (ấp Cái Đôi Vàm)	1,10
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
A. Sửa đổi				
Thị trấn Cái Đôi Vàm				
1	Nguyễn Việt Khái	Đầu cầu Kiểm Lâm cũ	Đầu đường 13/12	1,00
2	Nguyễn Việt Khái	Đầu đường 13/12	Hẻm chợ	1,00
3	Nguyễn Việt Khái	Hẻm chợ	Hẻm nhà May Mỹ	1,00
4	Nguyễn Việt Khái	Hẻm nhà May Mỹ	Đường Cách Mạng Tháng 8	1,00

6. HUYỆN PHÚ TÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Nguyễn Việt Khái	Đường Cách Mạng Tháng 8	Cầu kênh Làng Cá	1,00
6	Nguyễn Việt Khái	Cầu kênh Làng Cá	Hết ranh hãng nước đá Tấn Đạt	1,00
7	Nguyễn Việt Khái	Hết ranh hãng nước đá Tấn Đạt	Hết đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	1,00
9	Nguyễn Việt Khái	cầu Cơi 5	Hạt Kiểm Lâm	1,00
10	Nguyễn Việt Khái	Hạt Kiểm Lâm	hết Ranh Cái Đôi Nhỏ	1,00
21	Đường Trần Văn Thời	Đầu kênh Bảy Sur	Đầu Kênh Lô 2	1,00
25	Đường Trần Văn Thời	Đầu Kênh Lô 2	Đầu kênh Lô 1	1,00
30	Cách Mạng Tháng Tám	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	Phan Ngọc Hiển	1,00
31	Phan Ngọc Hiển	Cầu dự án	Cách Mạng Tháng Tám	1,00
32	Phan Ngọc Hiển	Cách Mạng Tháng Tám	Đầu kênh Kiểm Lâm Mới	1,00
33	Phan Ngọc Hiển	Đầu kênh Kiểm Lâm Mới	Kênh Năm Nhung	1,00
34	Phan Ngọc Hiển	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	1,00
35	Phan Ngọc Hiển	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Đầu cầu kênh 90	1,00
B. Bổ sung				
Thị trấn Cái Đôi Vàm				
1	Tuyến Đầu đường 1/5 (khóm 1) đến đầu đường Lý Văn Lâm			1,00
2	Kênh Lô 1 (phía Tây)	Cầu JAPA	Cầu Nguyễn Thanh Đạm	1,00
3	Hồ Thị Kỳ	Đầu đường Cách Mạng Tháng Tám	Đầu đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,00

6. HUYỆN PHÚ TÂN



**Đường,
tuyến lộ, khu vực**

Đoạn đường**Từ****Đến**

**Hệ số điều
chỉnh giá đất
(K)**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4	Kênh Mỹ Hưng	Đất ông Phan Văn Sang	Đất ông Diệp Văn Tươi	1,00
5	Kênh Công Nghiệp	Cầu Nguyễn Thanh Đạm	Cầu Kênh Lô 2	1,00
6	Kênh Lô 2 (phía Đông)	Hết đất ông Lê Minh Nửa	Cầu Kênh Lô 2	1,00
7	Kênh Lô 1 (phía Đông)	Cầu Kênh Lô 1	Hết đất Ông Phan Văn Sang	1,00
8	Đường số 25 (lộ kênh Năm Nhung)	Cách đường Nguyễn Việt Khái (nối dài) 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiền 30m	1,00

7. HUYỆN ĐÀM ĐOI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thị trấn Đầm Đoi				
1	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Cây Dương	Ngô Bình An	1,40
4	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 19/5	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	1,30
9	Đường 30/4	Đường 19/5	Cầu Rạch Sao	1,40
10	Đường 30/4	Cầu Rạch Sao	Trần Phán	1,10
15	Phía sau trường cấp II, III	Đường 19/5	Ranh trường cấp II	1,00
17	Trần Văn Phú	Ngã tư Sông Đầm	Dương Thị Cẩm Vân	1,20
18	Trần Văn Phú	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,20
19	Trần Văn Phú	Lưu Tấn Thành	Đường 30/4	1,20
20	Lưu Tấn Thành	Trần Văn Phú	Nguyễn Mai	1,00
21	Nguyễn Mai	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,00
23	Trần Kim Yến	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,20
25	Huỳnh Kim Tấn	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,00
28	Trần Văn Bảy	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00
30	Huỳnh Ngọc Điệp	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1,00
31	Nguyễn Văn Tiến	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1,00
32	Phạm Học Oanh	Đầu chợ nhà lồng cũ	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	1,20
33	Phạm Học Oanh	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	Hết ranh đất Xí nghiệp chế biến thủy sản (Mé sông)	1,20
36	Trần Văn Hy	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,20

7. HUYỆN ĐÀM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Quách Văn Phẩm	Huỳnh Kim Tấn	Đường 19/5	1,00
38	Các tuyến lộ khác	Cầu Cây Dương	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	1,20
39	Các tuyến lộ khác	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	Ngã tư Xóm Ruộng	1,20
40	Các tuyến lộ khác	Đường 30/4	150m về hướng Đập Chóp Mao	1,20
41	Các tuyến lộ khác	Đường 30/4 + 151 m	Đập Chóp Mao	1,20
42	Các tuyến lộ khác	Đập Chóp Mao	Ngã tư Xóm Ruộng (Theo sông Rạch Sao)	1,20
43	Các tuyến lộ khác	Đường 30/4	Cầu Rạch Sao I	1,20
44	Các tuyến lộ khác	Cầu Rạch Sao I	Cầu Rạch Sao II	1,40
45	Các tuyến lộ khác	Cầu Rạch Sao II	Cầu thầy Chương	1,00
46	Tô Thị Tề	Phan Ngọc Hiển (Cầu Huyện Đội)	Tạ An Khương (Nhà Út Oanh)	1,00
49	Phan Ngọc Hiển	Tô Thị Tề	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	1,00
50	Phan Ngọc Hiển	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	Nhà bà Trần Thị Cót	1,20
51	Phan Ngọc Hiển	Tô Thị Tề (Chạy theo sông Lung Lắm)	Tạ An Khương	1,20
53	Tạ An Khương	Ngã tư Tô Thị Tề	Cầu Tô Thị Tề (Lung Lắm)	1,20
58	Trương Phùng Xuân	Lê Khắc Xương	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	1,00
59	Trương Phùng Xuân	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	Cầu lô 18	1,00
60	Trương Phùng Xuân	Cầu lô 18 (Khóm 5)	Ngã ba lô 18 (Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam)	1,00
61	Trương Phùng Xuân	Cầu Cây Dương	Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam	1,00
62	Trương Phùng Xuân	Cầu Cây Dương	Ngã tư xóm Ruộng (Giáp ranh xã Tạ An Khương)	1,20

7. HUYỆN ĐÀM DƠI



STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
63	Phan Thị Dệt (tên cũ: Đường 3/2)	Cầu Cây Dương	Lộ 30/4 đi Cà Mau	1,00
64	Ngô Bình An	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,20
66	Nguyễn Thị Cứ	Phan Ngọc Hiền	Hết ranh trường tiểu học	1,40
67	Đường phía sau trường THPT Đầm Dơi	Đường 19/5	Đường Số 6 (tên cũ: Đường Ngô Bình An)	1,60
68	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1,20
69	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường Ngô Bình An	Đường Cầu Cây Dương	1,30
70	Đường Tô Văn Mười nối dài	Đường Phạm Minh Hoài	Đường Nguyễn Tạo	1,00
71	Nguyễn Thị Năm (tên cũ: Nguyễn Thị Cứ)	Đường Tô Thị Tề	Hết ranh Trường tiểu học	1,50
72	Đường sau khu hành chính huyện	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00
73	Đường Quách Văn Phẩm	Đường Huỳnh Kim Tấn	Đường Tô Văn Mười	1,00
Khu chỉnh trang Dân cư khóm 2				
74	Phan Thị Cúc	Phạm Thị Đồng	Đường Tô Thị Tề	1,00
75	Võ Thị Tươi	Phan Thị Cúc	Đường Tạ An Khương	1,00
76	Đường Phan Ngọc Hiền	Đường Tô Thị Tề	Tạ An Khương	1,00
77	Tuyến lộ bê tông (tên cũ: Lộ bê tông 5m)	Đường 30/4	Giáp lộ bê tông sông Rạch Sao (tên cũ: Nhà bà Nguyễn Phương Thủy)	1,20
79	Lộ bê tông Khóm 1	Đường 30/4	Nhà Ông Ngô Bình Quang	1,00
80	Đoạn lộ khu vực Nhà lồng mới	Đường Trần Văn Phú	Hết phần đất xây dựng nhà lồng mới	1,00
81	Đoạn lộ khu vực Nhà lồng chợ Nông sản thực phẩm	Đường Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng cũ	1,00
82	Đường vào trường Mẫu Giáo khóm 1	Đường 30/4	Hết ranh đất do Nhà nước quản lý	1,00

7. HUYỆN ĐÀM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
83	Đường lộ dân sinh vào trường THPT Thái Thanh Hòa	Đường Tạ An Khương	Đường Trương Phùng Xuân	1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
Tuyến đường được bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
1	Đường Số 6	Dương Thị Cẩm Vân	Nguyễn Tạo nối dài	1,00
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
A. Sửa đổi				
Thị trấn Đầm Dơi				
2	Dương Thị Cẩm Vân	Ngô Bình An	Hết ranh trường THCS Thị trấn	1,00
3	Dương Thị Cẩm Vân	Ranh trường THCS Thị trấn	Đường 19/5	1,00
5	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	1,00
6	Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	Đập Tư Tính (Giáp ranh xã Tân Duyệt)	1,00
7	Đường 30/4	Cổng ngõ tư Xóm Ruộng	Giáp ranh Chi nhánh điện	1,00
8	Đường 30/4	Chi nhánh điện	Trần Phán	1,00
11	Đường 30/4	Trần Phán	Về hướng Cầu thầy Chương: 500 mét	1,00
12	Đường 30/4	Trần Phán + 500 m	Cầu thầy Chương	1,00
13	Đường 19/5	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00
14	Đường 19/5	Phạm Minh Hoài	Đường 30/4	1,00
16	Phạm Minh Hoài	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,00
22	Nguyễn Mai	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1,00
24	Trần Kim Yến	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1,00



7. HUYỆN ĐÀM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	Huỳnh Kim Tấn	Lưu Tấn Thành	Nguyễn Tạo	1,00
27	Tô Văn Mười	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00
29	Nguyễn Tạo	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,00
34	Thái Thanh Hòa	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00
35	Trần Phán	Đường 30/4	Cầu Chín Dư	1,00
47	Tô Thị Tê	Tạ An Khương	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	1,00
48	Tô Thị Tê	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	Cầu Cả Bát	1,00
52	Tạ An Khương	Cầu Sông Đàm	Ngã tư Tô Thị Tê	1,00
54	Tạ An Khương	Lê Khắc Xương (Cầu Tô Thị Tê)	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	1,00
55	Tạ An Khương	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	1,00
56	Tạ An Khương	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	Cầu Lô 17	1,00
57	Lê Khắc Xương	Trương Phùng Xuân	Cầu Giáp Nước	1,00
65	Đường về Trung tâm xã Tân Tiến (tên cũ: Tuyến Khác)	Cầu Lung Lắm	Hết ranh đất Nhà ông Trần Bá Phước (Giáp xã Tạ An Khương Nam)	1,00
78	Lộ dân sinh vào Bệnh Viện (tên cũ: Lộ dân sinh vào Trường THPT Thái Thanh Hòa)	Đường Tạ An Khương	Trương Phùng Xuân	1,00
84	Đường kênh Thầy Chương đầu nối đường 30/4	Đường 30/4	Đường 30/4+300 mét vào kênh Thầy Chương	1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00
B. Bổ sung				
Thị trấn Đàm Dơi				
1	Tuyến lộ bê tông khóm 2 (khu mé sông)	Đường Tô Thị Tê	Hết ranh đất ông Quốc	1,00

7. HUYỆN ĐÀM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Tuyến lộ bê tông khóm 5 (Kính Giáp Nước)	Cầu Lung Lắm	Hết lộ bê tông	1,00
3	Tuyến lộ trước ban quản lý chợ	Đường Huỳnh Ngọc Diệp	Đường Trần Văn Phú	1,00
4	Tuyến lộ bê tông Khóm 2	Cầu Cả Bát	Hết lộ bê tông Lung U Minh	1,00
5	Tuyến lộ bê tông Khóm 2	Lung U Minh	Nhà bà Trần Thị Cót	1,00
6	Tuyến lộ bê tông	Đường Phạm Học Oanh	Hết lộ bê tông	1,00
7	Lộ bê tông khóm 2	Cầu Tô Thị Tẻ	Hết lộ bê tông	1,00
8	Lộ bê tông	Cầu Cây Mết lớn	Giáp xã Tạ An Khương Nam	1,00
9	Lộ bê tông	Cầu Cây Mết nhỏ	Xã Tạ An Khương	1,00
10	Đường Trần Văn Phú	Đường 30/04	150m về hướng Đập Chóp Mao	1,00
11	Đường Trần Văn Phú	Đường 30/04 +151m	Đập Chóp Mao	1,00
12	Đường Trần Văn Phú	Đập Chóp Mao	Ngã tư Xóm Ruộng (hết lộ bê tông)	1,00
13	Lộ giao thông, mặt lộ rộng từ 1,0m đến 2,0m			1,00
14	Lộ giao thông, mặt lộ rộng từ trên 2,0m đến 3,5m			1,00

8. HUYỆN NĂM CĂN



**Đường,
tuyên lộ, khu vực**

STT		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thị trấn Năm Căn				
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tinh	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện	1,10
2	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện	Chu Văn An	1,10
3	Đường Nguyễn Tất Thành	Chu Văn An	Giáp ranh đất Bệnh viện	1,10
4	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh đất Bệnh viện	Nguyễn Việt Khái	1,10
5	Đường Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Việt Khái	Ngã Tư Bưu Điện (Đường Hùng Vương)	1,00
6	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư bưu điện	Bến phà sông Cửa Lớn	1,00
7	Đường Hùng Vương	Ngã tư bưu điện (đường Nguyễn Tất Thành)	Đầu đường gom Cầu Kênh Tắc	1,00
11	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến		1,00
12	Đường Châu Văn Đặng	Toàn tuyến		1,10
13	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất nhà may Hào	Đường Nguyễn Tất Thành	1,10
14	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trung	1,10
15	Đường Lý Nam Đế	Ngã ba nhà ông Trung	Đê ngăn triều cường	1,10
16	Đường An Dương Vương	Nguyễn Tất Thành	Đường số 6 (Tiệm vàng Hữu Há)	1,00
17	Đường An Dương Vương nối dài (Khu vực chợ Đầu Mối)	Toàn tuyến		1,00
18	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		1,00
19	Đường Lạc Long Quân	Toàn tuyến		1,00
20	Đường Lê Văn Tám	Đường Hùng Vương	Đường Lý Nam Đế	1,20

8. HUYỆN NĂM CĂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	Đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Tất Thành	Kim Đồng	1,00
22	Đường Võ Thị Sáu	Kim Đồng	Kênh Xáng	1,00
24	Đường Nguyễn Việt Khái	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1,10
25	Đường 13/12	Toàn tuyến		1,00
27	Đường ô tô về xã Lâm Hải	Đoạn đầu nối đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	1,00
28	Đường ô tô về xã Lâm Hải	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh thị trấn	1,00
31	Khóm 1 (lộ bê tông giáp Trụ sở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện)	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Tuyền	1,00
32	Khóm 1	Hết khu vực I khóm 1 (Sau khu hành chính huyện)		1,10
33	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	1,10
34	Khóm 2	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	Đầu đường Lý Nam Đế	1,00
35	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Cầu kênh Tắc	1,00
36	Khóm 2	Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà (phía Trung tâm thương mại)		1,00
37	Khóm 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Lâm (Hẻm nhà ông Ba Châu)	1,00
38	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Huyện đội	1,10
39	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3	1,10
40	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1,00
41	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3	1,00
42	Khóm 3	Hết khu vực dãy 19 căn		1,00
43	Khóm 4	Nhà ông Phan Bá Đường	Đê ngăn triều cường	1,00

8. HUYỆN NĂM CĂN



STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
44	Khóm 4	Ngã ba khu tập thể giáo viên trường THCS Phan Ngọc Hiển	Đường Lý Nam Đế	1,10
45	Khóm 4	Đường Hùng Vương	Khu nhà tình nghĩa (Cấp UBND thị trấn Năm Căn)	1,10
46	Khóm 4	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hoàng	1,00
47	Khóm 4	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Lê Chí Khách	1,10
48	Khóm 4	Các tuyến còn lại trong khóm 4, Thị trấn		1,20
49	Khóm 4, Khóm 6	Cầu Kênh Xáng	Đường Châu Văn Đăng	1,20
50	Khóm 5	Cầu Xẻo Thùng	Cầu Kênh Cùng	1,10
51	Khóm 5	Cầu Kênh Cùng	Hết ranh đất ông Trịnh Hên	1,00
52	Khóm 5	Đầu lộ Trạm y tế	Trụ sở SaLaTen	1,10
53	Khóm 5	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Hết ranh đất ông Châu Phấn	1,10
54	Khóm 5	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Giáp sông Xẻo Nạn	1,10
55	Khóm 5	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quốc	Hết ranh đất ông Trần Minh Phụng	1,00
56	Khóm 5	Các tuyến còn lại trong khóm 5		1,20
58	Khóm 6	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1,10
59	Khóm 6	Đường Nguyễn Việt Khái	Hết ranh đất ông Đặng Hoàng Tiến	1,20
60	Khóm 6	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Trần Hậu Sơn (Đầu nổi ra hẻm Bác sỹ Sơn)	1,20
61	Khóm 6	Các tuyến lộ bê tông còn lại thuộc khóm 6 có chiều rộng 1,5 mét		1,20
62	Khóm 7	Đường Nguyễn Tất Thành (Bến phá sông Cửa Lớn)	Hết ranh đất ông Tô Hoàng Cương	1,10

8. HUYỆN NĂM CĂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
63	Khóm 7	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,10
64	Khóm 7	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Trọng	1,20
65	Khóm 7	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh đất Thái Hồng Lam	1,10
66	Khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Dẹo	Giáp trại giống ông Nguyễn Tương Phùng	1,10
67	Khóm 8	Lộ mé sông Hạt Kiểm Lâm	Cầu Công an	1,10
68	Khóm 8	Cầu Công an	Hết ranh đất Trường Mầm Non	1,10
69	Khóm 8	Cầu Công an	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	1,00
70	Khóm 8	Đường xuống cầu Bệnh viện		1,10
71	Khóm 9	Đầu Vàm kênh xáng Quốc phòng	Hết ranh đất ông Tô Văn Xén	1,10
72	Khóm 9	Ranh đất ông Sáu Dũng	Cầu Ngọn Phi Xăng	1,10
73	Khóm Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do	1,00
74	Khóm Hàng Vịnh	Cầu Ông Do	Vàm Ông Do	1,30
75	Khóm Hàng Vịnh	Ranh đất bà Lê Thị Hoa	Hết ranh đất ông Lê Văn Phước	1,30
76	Khóm Hàng Vịnh	Ranh đất ông Trịnh Hoàng Chiến	Hết ranh đất ông Diệp Văn Kênh	1,10
77	Khóm Hàng Vịnh	Ranh đất Phan Hồng Phúc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngạn	1,20
78	Khóm Hàng Vịnh	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tý	Hết ranh đất ông Cao Thanh Bình	1,00
79	Khóm Sa Phô	Giáp khóm 5	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Khanh	1,30
80	Khóm Sa Phô	Ranh đất ông Lê Anh Kiệt	Hết ranh đất ông Huỳnh Đen	1,00
81	Khóm Sa Phô	Ranh đất ông Trần Hón Lén	Hết ranh đất ông Nguyễn Việt Trì	1,10
82	Khóm Sa Phô	Ranh đất ông Đinh Văn Thơ	Hết ranh đất ông Trần Văn Dấu	1,10

8. HUYỆN NĂM CĂN



STT	 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
83	Khóm Sa Phô	Vàm Xẻo Nạn	Vàm Xẻo Cặp (Ngoài đất Lâm Trường)	1,00
84	Khóm Sa Phô	Trại giống 202	Cầu Xẻo Nạn	1,20
85	Khóm Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Nguyễn Bé Bảy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Có	1,10
86	Khóm Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Hoàng Anh Đức	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,10
87	Khóm Cái Nai	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tinh 2	1,00
88	Khóm Cái Nai	Cầu Ông Tinh	Hết ranh đất ông Đinh Văn Thế	1,10
89	Khóm 1, khóm 2	Đường gom 02 bên cầu Kênh Tắc		1,10
90	Khóm 3	Đường gom 02 bên cầu Kênh Tắc		1,10
91	Khóm 3	Nhà ông Vũ Trọng Hội	Nhà ông Nguyễn Hữu Hùng	1,10
92	Khóm 4 và 7	Đường gom hai bên cầu Kênh Xáng		1,00
93	Trục chính Khu Kinh tế	Giáp Nguyễn Tất Thành	Kênh Xáng Nhà Đèn	1,00
94	Trục chính Khu Kinh tế	Kênh Xáng Nhà Đèn	Cầu Ông Do (Hết ranh thị trấn)	1,00
95	Trục chính Bắc Nam	Giáp ranh xã Hàng Rồng	Hết ranh thị trấn	1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
Tuyến đường được bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
1	Tuyến lộ thuộc Dự án Khu dân cư khóm 7	Kim Đồng	Lộ bê tông (Lộ đầu nối giữa đường Hùng Vương và đường Võ Thị Sáu)	1,00
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
A. Sửa đổi				
Thị trấn Năm Căn				

8. HUYỆN NĂM CĂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8	Đường Hùng Vương	Dầu đường gom cầu Kênh Tắc	Cầu Xẻo Nạn	1,00
9	Đường Hùng Vương	Ngã tư bưu điện Nguyễn Tất Thành	Đường Lê Văn Tám	1,00
10	Đường Hùng Vương	Đường Lê Văn Tám	Cầu Kênh Xáng	1,00
23	Kim Đồng	Toàn tuyến		1,00
26	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh thị trấn	1,00
29	Khóm 1	Đường 13/12	Đường Nguyễn Tất Thành	1,00
30	Khóm 1	Đường 13/12 cấp phòng giáo dục và đào tạo huyện	Đường Nguyễn Tất Thành (xuống bến phà Sông Cửa Lớn)	1,00
57	Khóm 6	Khu tái định cư kênh xáng Nhà đèn		1,00

9. HUYỆN NGỌC HIEN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Nguyễn Văn Cứng	Cầu sắt cũ (hết ranh quy hoạch)	Bến xếp dỡ hàng hóa 2 Bình	1,00
2	Đường Nguyễn Văn Cứng	Bến xếp dỡ hàng hóa 2 Bình	Đồn Biên Phòng Rạch Gốc (hết ranh quy hoạch)	1,10
3	Đường Nguyễn Văn Cứng	Ngã 3 Trạm y tế TT Rạch Gốc	Ngã 3 Cổng chào (Đường HCM)	1,00
4	Đường Bông Văn Dĩa	Cầu Rạch Gốc	Cầu Đầu Đước	1,00
6	Đường 13/12	Cầu Kênh Ba mới	Bến phà sông Đường Kéo	1,00
7	Đường 13/12	Ngã 4 Đường Hồ chí Minh	Cầu Kênh Ba mới	1,00
8	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Cầu sắt cũ	1,00
9	Lộ bê tông	Ngã 3 chợ (Công an xã cũ)	Ngã 3 Bến phà (đọc theo hàng rào tượng đài)	1,00
10	Lộ bê tông	Ngã 3 trước cổng trường Mẫu giáo TT Rạch Gốc	Cầu sắt cũ (hẻm nhà ông Quán)	1,00
11	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Cầu kênh Ngang	1,10
12	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Đường 962 (ngã 3 nhà ông Hòa)	1,00
13	Đường 962	Ngã 4 Bưu điện	Đường 13/12	1,00
14	Lộ bê tông	Đường 13/12	Cầu Rạch Lùm (Đường Hồ Chí Minh)	1,00
15	Lộ bê tông	Cầu Rạch Lùm (Đường Hồ chí Minh)	Kênh nước Lộn	1,00
16	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Kênh Cà Tháp	1,00
17	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Cầu Thu Phí	Kênh Ông Nam	1,10
18	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Kênh Ông Nam	Kênh Huế	1,00
19	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1,20
20	Lộ bê tông	Cầu kênh Ngang	Hết ranh đất ông Tư Đạm	1,10
21	Lộ bê tông	Cầu Kênh Ngang	Cầu kênh Cóc	1,00

9. HUYỆN NGỌC HIỂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Cầu Thu Phí	Ngã ba Nhà ông Châu Văn Đẩu	1,10
23	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh ông Nam	Kênh Huế	1,00
24	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh Huế	Vàm đầu đước	1,10
25	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xóm Lò (giáp ranh xã Tân Ân Tây)	Cầu Rạch Lùm	1,00
26	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Rạch Lùm	Đường 13 tháng 12	1,00
27	Đường Hồ Chí Minh	Đường 13 tháng 12	Đường số 11	1,00
28	Đường Hồ Chí Minh	Đường số 11	Cầu Công Dân Kiều	1,00
29	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Công Dân Kiều	Cầu Kênh Hồ (Giáp ranh xã Viên An Đông)	1,00
30	Tuyến đường số 11	Đường Hồ Chí Minh	Ngã 4 Trụ sở Khóm 1	1,00
31	Lộ bê tông	Cầu Kênh Một (Đường cấp VI)	Ngọn Kênh Một	1,00
32	Lộ bê tông	Cầu Ông Định (Đường cấp VI)	Vàm Trại Xiêm	1,00
33	Lộ bê tông	Cầu Kênh Năm (Đường Hồ Chí Minh)	Cầu Kênh Cóc	1,00
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20
Tuyến đường được bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
1	Đường 962	Ngã tư Trụ sở khóm 1	Ngã tư Bưu Điện	1,00
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh				
A. Sửa đổi				
Thị trấn Rạch Gốc				
5	Bông Văn Dĩa	Cầu Cần Đước	Cầu Ông Định	1,00